

Bản án số: 706/2020/HS-PT

Ngày: 19 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Văn

Ông Lê Thành Long

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ng Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 362/2020/TLPT- HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr, Lê Trung H, Dương Hồ Huy V, Phùng Thế Anh Ng và kháng cáo của bị hại ông Bùi Thế Tr1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2020/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

1. Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1.1/ **Nguyễn Thị Thanh Tr**, sinh năm 1983 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: đường M, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Thanh V; Chồng là Lê Trung H (bị cáo trong vụ án); Con có 01 người sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ 31/3/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

1.2/ **Lê Trung H**, sinh năm 1984 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: đường M, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Lê Hoàng V và bà Trần Thanh V; Vợ là Nguyễn Thị Thanh Tr (bị cáo trong vụ án); Con có 01 người sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ 31/3/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

1.3/ **Dương Hồ Huy V**, sinh năm 1979 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Dương Văn H và bà Hồ Thị H; Vợ là Lê Thị Bảo Tr; Con 02 người, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ 01/8/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

1.4/ **Phùng Thế Anh Ng**, sinh năm 1983 tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: đường M, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Phùng Thế Q và bà Lê Thị Kim B; Vợ Đặng Thị Hồng H; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa:

2.1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr, Lê Trung H: Ông Đặng Minh G, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2.3. Người bào chữa cho bị cáo Dương Hồ Huy V: Ông Nguyễn Xuân H, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2.4. Người bào chữa cho bị cáo Phùng Thế Anh Ng: Bà Nguyễn Lan O, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Bị hại:

3.1/ Bùi Thế Tr1, sinh năm 1973; nơi cư trú: đường M, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

3.2/ Trần Tấn Ph, sinh năm 1975; nơi cư trú: đường Ng, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

3.3/ Trần Kim Ch, sinh năm 1973; nơi cư trú: khóm 2, đường Ph, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1/ Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: KV3, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

4.2/ Trịnh Như L, sinh năm 1971; nơi cư trú: đường H, phường Th, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt)

4.3/ Lê Tiến Bảo Kh, sinh năm 1973; nơi cư trú: đường Ng, phường 8, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

4.4/ Lâm Ng L1, sinh năm 1947; nơi cư trú: đường L, phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

4.5/ Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1984; nơi cư trú: đường Tr, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

4.6/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; nơi cư trú: đường M, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

4.7/ Nguyễn Thị Mỹ Tr1, sinh năm 1972; nơi cư trú: đường Tr, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Đầu năm 2016, vợ chồng Lê Trung H và Nguyễn Thị Thanh Tr có vay mượn tiền nhiều lần của anh Lê Tiên Bảo Kh, với số tiền lãi và gốc là 3,2 tỷ đồng. Do H và Tr không có tiền trả như đã hứa nên anh Kh chuyển giao nợ sang anh Bùi Thế Tr1 thì H, anh Tr1 đồng ý và H có viết biên nhận nợ 3,2 tỷ đồng từ anh Kh chuyển sang.

Sau khi chuyển nợ từ Kh sang cho Tr1 thì giữa H và Tr có hỏi vay, mượn tiền của anh Bùi Thế Tr1 nhiều lần, khi mượn nói là đáo hạn ngân hàng cho khách hàng, mỗi lần mượn từ 600 triệu đồng đến 1,2 tỷ đồng. Do vay, mượn nhiều lần mà H và Tr không có trả lãi và trả gốc cho anh Tr1, nên ngày 11/4/2016 H, Tr và anh Tr1 chốt lại số tiền lãi và gốc mà vợ chồng H, Tr nợ anh Tr1 tổng cộng là 12.567.000.000 đồng.

Do không có tiền trả nợ vay ngân hàng khi đến hạn, nên anh Tr1 đòi tiền H và Tr. Lúc này H, Tr không có tiền nên Tr đến gặp Trần Tấn Ph - ngụ: đường Ng - phường 2 – Thành phố V – tỉnh Vĩnh Long, hỏi vay 03 tỷ nói là để đáo hạn ngân hàng cho anh Tr1 tại ngân hàng A chi nhánh Vĩnh Long và hứa 07 ngày sau trả lại cho anh Ph vốn và lãi theo thỏa thuận. Anh Ph tin tưởng là thật nên đồng ý cho Tr vay 03 tỷ đồng và giao tiền mặt tại ngân hàng A chi nhánh Vĩnh Long, nhưng thực tế số tiền 03 tỷ đồng Tr vay của anh Trần Tấn Ph là để trả nợ cho Bùi Thế Tr1 chứ không làm hồ sơ đáo hạn cho anh Tr1.

Đến ngày 12/4/2016 Tr tiếp tục đến gặp Trần Kim Ch hỏi vay 1,1 tỷ đồng nói là để đáo hạn ngân hàng cho Bùi Thế Tr1 và hứa 07 ngày sau sẽ trả vốn và lãi theo thỏa thuận, Trần Kim Ch tin là thật nên đồng ý cho Tr vay 1,1 tỷ đồng và giao tiền mặt tại ngân hàng A chi nhánh Vĩnh Long. Nhận tiền của chị Trần Kim Ch giao, Tr chuyển vào tài khoản Bùi Thế Tr1 01 tỷ đồng, thực tế số tiền 1,1 tỷ đồng Tr vay của chị Trần Kim Ch là để trả nợ cho Bùi Thế Tr1 chứ không phải làm hồ sơ đáo hạn cho anh Tr1. Khi đến hạn 07 ngày chị Trần Kim Ch đòi tiền lãi và gốc số tiền 1,1 tỷ mà Tr đã vay, Tr không có tiền trả do khi vay 1,1 tỷ đồng của chị Ch, Tr đã trả cho Bùi Thế Tr1 01 tỷ chỉ còn lại 100.000.000 đồng nên Tr đã trả lại cho chị Trần Kim Ch 100.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2016 H, Tr và anh Tr1 thống nhất đến thời điểm này, sau khi trừ 04 tỷ đồng (Tr vay của Trần Tấn Ph và Trần Kim Ch đã trả anh Tr1) thì số tiền vợ chồng H, Tr còn nợ anh Tr1 là 8.567.000.000 đồng.

- Đến cuối tháng 4/2016 để có tiền trả nợ, H, Tr tiếp tục đến gặp Bùi Thế Tr1 hỏi vay 2,2 tỷ đồng và nói “ông xếp của Tr nhờ hỏi vay để làm hồ sơ đáo hạn, vài ngày xong sẽ trả” anh Tr1 tin tưởng nên cho H, Tr vay 2,2 tỷ đồng.

- Khoảng tháng 6/2016, để có tiền trả nợ, H, Tr đến gặp Bùi Thế Tr1 hỏi vay thêm 500 triệu đồng. Khi gặp anh Tr1, Tr nói có thể chấp nhà ở Ngân hàng Đ, mượn tiền để đáo hạn Ngân hàng nâng hạn mức vay lên 1,5 tỷ đồng để trả bớt tiền cho Tr1. Tr1 tin tưởng là thật nên Tr1 đồng ý cho vay số tiền 500 triệu đồng, H và Tr viết giấy nợ vào ngày 01/6/2016 cho Tr1. Sau khi mượn được tiền H và Tr không đáo hạn ngân hàng như đã nói mà dùng để trả nợ cho người khác.

- Đến khoảng tháng 7/2016, do cần tiền để giải quyết công việc nên anh Tr1 đòi tiền H và Tr. Do không có tiền để trả và muốn vay tiền thêm của Tr1, để tạo lòng tin cho Tr1, H và Tr bàn bạc và nhờ bạn tên Dương Hồ Huy V đóng vai kế toán trưởng ngân hàng Đ, đến gặp Tr1 để hỏi vay thêm 01 tỷ đồng cho H và Tr, H và Tr hứa với V khi vay được tiền của Tr1 01 tỷ đồng (Một tỷ đồng) sẽ trả nợ cho V 400 triệu đồng, thì V đồng ý.

Sau đó, H và Tr điện thoại cho Tr1 đến nhà hàng T gặp V, tại đây V nói với Tr1 theo nội dung do H, Tr sắp đặt trước đó: *“Tôi là V làm kế toán trưởng Ngân hàng Đ - chi nhánh Vĩnh Long, nhà tôi ở Cần Thơ, tôi có vay mượn của H và Tr số tiền là 8 tỷ đồng để đưa cho thằng em làm xây dựng, khoảng 10 ngày nữa là công trình làm xong thằng em tôi rút ra được 27 tỷ đồng (Hai mươi bảy tỷ đồng) nhưng bây giờ tôi cần 01 tỷ đồng (một tỷ đồng) để đưa cho thằng em lo trả tiền thợ thầy và quà cáp cho mấy ông Sếp để lấy tiền ra cho nhanh, nếu anh Tr1 có tiền cho H và Tr mượn 01 tỷ đồng (một tỷ đồng) nữa để H và Tr đưa cho V vay mượn lại trong vòng 15 ngày nữa tôi sẽ trả cho H và Tr 09 tỷ đồng để H và Tr trả tiền lại cho anh Tr1”*. Nghe V nói vậy, anh Tr1 tin tưởng là thật, nên đồng ý tiếp tục cho H và Tr vay thêm 01 tỷ đồng (một tỷ đồng), H và Tr có viết giấy nợ cho Tr1 vào ngày 13/07/2016. Sau khi nhận được tiền, H và Tr dùng tiền này trả nợ cho người khác.

- Đến 10 ngày sau, H và Tr bàn tính đến gặp Phùng Thế Anh Ng là bạn của Tr và H nhờ Ng giúp đóng vai cán bộ tín dụng Ngân hàng Đ, để gặp Tr1 hỏi vay giúp cho H và Tr 1,5 tỷ đồng. Do chỗ bạn bè quen biết nên Ng đồng ý giúp Tr. Sau đó H và Tr điện thoại cho Tr1 vào nhà hàng T để gặp Ng. Khi gặp anh Tr1, Ng nói với Tr1 theo nội dung đã sắp đặt trước của H và Tr là : *“Ng làm cán bộ tín dụng ngân hàng Đ chung với Tr, Ng có mượn của H và Tr 1,5 tỷ đồng để làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng, nhưng bây giờ Ng cần thêm 1,5 tỷ đồng nữa để làm hồ sơ đáo hạn cho khách hàng, anh Tr1 có tiền cho H và Tr vay 1,5 tỷ đồng để H và Tr cho Ng vay 1,5 tỷ đồng làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng một tuần xong việc, Ng sẽ trả tiền cho H và Tr 3 tỷ đồng để H và Tr trả tiền lại cho anh Tr1 03 tỷ đồng”*, Tr1 tin tưởng là thật nên đồng ý cho H, Tr vay thêm 1,5 tỷ đồng, để H và Tr cho Ng vay lại, khi H nhận được tiền 1,5 tỷ đồng từ anh Tr1 giao, H đưa lại cho Tr, đồng thời khoảng 2 – 3 ngày sau Tr điện thoại cho Ng dặn “nếu anh Tr1 có hỏi Ng nhận được tiền chưa thì trả lời H, Tr đã đưa tiền cho Ng rồi”, nên khi anh Tr1 đưa tiền cho vợ chồng H, Tr xong, anh Tr1 điện thoại báo cho Ng

biết là anh Tr1 đã cho H và Tr vay tiền rồi và hỏi Ng có nhận được tiền của H, Tr đưa không, thì Ng trả lời là có nhận.

- Đến ngày 22/8/2016 H và Tr tiếp tục đến gặp anh Tr1 hỏi vay tiền và nói với anh Tr1 “*tiền của anh 2 vợ chồng em gom chưa được, bây giờ nếu anh Tr1 cho tụi em vay thêm 350 triệu đồng nữa thì 3-4 ngày sau em sẽ gửi trả cho anh 850 triệu đồng để cho anh trả cho người ta bớt*”, anh Tr1 tin tưởng lời của H và Tr là thật nên đồng ý cho H, Tr vay thêm 350 triệu đồng vào ngày 22/8/2016. Sau khi nhận được tiền H và Tr dùng để trả nợ cho người khác.

- Đến khoảng tháng 10/2016, muốn mượn thêm tiền của anh Tr1 để trả nợ, H, Tr bàn tính gặp anh Tr1 hỏi vay 260 triệu đồng, để tạo lòng tin H lấy hồ sơ của Tòa án nhân dân Thành phố V giải quyết căn nhà ở trên đường Ng, Phường 2, Thành phố V, H và Tr đang thế chấp vay ở ngân hàng Đ 260 triệu đồng, đưa cho anh Tr1 xem và năn nỉ Tr1 cho vay 260 triệu đồng để chuộc lại nhà, rồi H và Tr lo trả tiền cho anh Tr1. Anh Tr1 không đồng ý cho H và Tr vay tiền tiếp mà đòi H và Tr trả tiền đã vay trước đây và đòi xem những giấy tờ về việc H, Tr cho người khác vay tiền, nên H về nói lại cho Tr biết. Do anh Tr1 không cho mượn tiền, mà đòi lại số tiền vay trước đó nên H, Tr bàn tính, sau đó Tr làm giả 02 giấy cam kết trả nợ và 10 hợp đồng vay tiền lấy tên Trịnh Như L - sinh 1971, ngụ tại đường H, Quận N, TP Cần Thơ có vay của Nguyễn Thị Thanh Tr ngụ: đường M, Phường 3, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long số tiền 15,4 tỷ đồng (Mười lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) và Nguyễn Minh T - sinh 1982, ngụ tại Phường A, quận N, TP Cần Thơ có vay của Nguyễn Thị Thanh Tr 3,9 tỷ đồng (ba tỷ, chín trăm triệu đồng).

Sau khi làm giả giấy tờ xong, Tr đưa giấy tờ giả cho H đến gặp anh Tr1 để anh Tr1 xem và nói “*tiền của anh cho tụi em mượn, em cho 02 người ở Cần Thơ vay lại*”. Khi Tr1 xem xong, Tr1 tin tưởng là thật nên tiếp tục đưa tiền cho H và Tr vay thêm 260 triệu đồng. H, Tr viết giấy nợ cho Tr1 vào ngày 26/10/2016.

- Đến tháng 11/2016, anh Tr1 nhờ người quen hỏi thăm thì được biết Trịnh Như L và Nguyễn Minh T không có vay tiền của vợ chồng H, Tr, nên anh Tr1 làm đơn tố cáo H, Tr có hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Khi Công an thành phố V làm việc thì H, Tr có làm cam kết hứa mỗi tháng trả 02 tỷ đến hết nợ, nhưng H, Tr chỉ trả được 04 lần mỗi lần 30 triệu đồng tổng cộng là 120.000.000đ.

Quá trình điều tra, H, Tr khai nhận các khoản tiền vay của anh Bùi Thế Tr1 đã trả nợ cho Trương Hồng Ph1, Trần Tấn Ph, Nguyễn Thị Phương Th, Phạm Nguyễn Nhật N, Trương Hồng Ph1, Võ Thị Thanh H, Vương Khải V, La Nguyệt A, Trần Kim Ch. Nhưng những người nêu trên đều xác nhận H, Tr không có trả cho họ và H, Tr cũng không giấy tờ gì chứng minh.

Đối với các khoản tiền H, Tr khai nhận có vay, mượn của nhiều người khác từ năm 2013-2016 như: Trần Kim Ch, Lâm Ng L1, Nguyễn Thị Phương Th, Nguyễn Thị H, Dương Hồ Huy V. Việc vay mượn tiền của những người này là

giao dịch dân sự ngay thẳng, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này, mà dành riêng cho những người này khởi kiện H, Tr ra tòa dân sự để giải quyết.

Riêng khoản tiền 3,2 tỷ đồng mà H, Tr đã vay của anh Lê Tiến Bảo Kh nhưng đã chuyển nợ sang Bùi Thế Tr1, đây là giao dịch dân sự ngay thẳng nên phần tiền này dành riêng cho anh Bùi Thế Tr1 khởi kiện H, Tr ra tòa dân sự để giải quyết.

Đối với phần tiền mà Tr đã gian dối chiếm đoạt của Trần Tấn Ph 03 tỷ đồng và Trần Kim Ch 1,1 tỷ đồng, qua điều tra xác định việc vay mượn này chỉ một mình Tr thực hiện, và anh Trần Tấn Ph, chị Trần Kim Ch cũng xác nhận chỉ một mình Tr hỏi vay và nhận tiền, nên Lê Trung H không đồng phạm trong khoản tiền này.

** Về tang vật đang tạm giữ:*

Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 07/QĐ-VKSVL-P1 ngày 31/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, có thu giữ vật chứng của bị cáo Tr, H bao gồm:

- 01 máy tính xách tay (laptop) màu đen hiệu Acer đã qua sử dụng.
- 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia 6301 đã qua sử dụng.
- 01 điện thoại di động màu trắng hiệu Iphone đã qua sử dụng.
- 01 USB màu trắng hiệu Kingston đã qua sử dụng của Tr.
- 01 thẻ ATM ngân hàng Đ Bank số 9704 0608 8907 2397 (03/13) tên Trần Thanh Vân (Thẻ đa năng).
- 01 thẻ ATM ngân hàng Đ bank số: 9704.0612.1007.3195 (01/15) tên Nguyễn Thị Thanh Tr.
- 01 thẻ ATM ngân hàng Đ số: 9704.0603.4703.8295 (01/11) tên Nguyễn Thị Thanh Tr (thẻ đa năng).
- 01 thẻ ATM ngân hàng Đ số: 9704.0603.4703.8691 (01/11) tên Lê Trung H (thẻ đa năng)
- 01 thẻ ATM ngân hàng Đ số: 4196.6100.0423.9127 (11/12-11/13) tên Nguyễn Thị Thanh Tr.
- 01 thẻ ATM ngân hàng Đ số: 9704.0608.1659.7599 (09/12) tên Nguyễn Thị Thanh Tr (thẻ đa năng)
- 01 thẻ ATM ngân hàng Vietinbank số: 6201.6000.2851.7127 (05/09) tên Nguyễn Thị Thanh Tr.
- 01 thẻ ATM ngân hàng Vietinbank số: 6201.6000.7060.1126 (05/09) tên Lê Trung H.
- 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank số: 4221.5188.5751.6179 (05/15 – 05/20) tên Nguyễn Thị Thanh Tr.

** Tại Bản án số: 24/2018/HS-ST ngày 23-10-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr 19 năm tù, xử phạt bị cáo Lê Trung H 17 năm tù, xử phạt bị cáo Dương Hồ Huy V 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.*

Đối với Phùng Thế Anh Ng: Tòa án kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

Về bồi thường thiệt hại:

- Buộc bị cáo Tr và H liên đới bồi thường cho Bùi Thế Tr1 số tiền 10.177.000.000đồng được khấu trừ số tiền trả trước 140.000.000đồng nên Tr và H còn phải bồi thường cho Bùi Thế Tr1 số tiền 10.037.000.000đồng;

- Buộc các bị cáo Tr, H, V liên đới theo phần trả cho Bùi Thế Tr1 số tiền 1.000.000.000đồng, trong đó V phải trả 200.000.000đồng được khấu trừ số tiền 20.000.000đồng nên V còn tiếp tục trả cho anh Tr1 180.000.000đồng, Tr và H trả cho anh Tr1 800.000.000đồng.

- Buộc Tr và H liên đới trả cho anh Trần Tấn Ph số tiền 3.000.000.000đồng.

- Buộc Tr và H trả cho chị Trần Kim Ch số tiền 1.000.000.000đồng.

** Tại Bản án số: 297/2019/HS-PT ngày 28-5-2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Bùi Thế Tr1 và một phần kháng cáo của các bị cáo Tr, H, V. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HS-ST ngày 23-10-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long điều tra giải quyết lại vụ án.*

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2020/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, quyết định:*

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr, Lê Trung H, Dương Hồ Huy V, Phùng Thế Anh Ng, phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr: 18 (mười tám) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 31/3/2017.

1.2 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Trung H: 14 (mười bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 31/3/2017.

1.3 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Hồ Huy V: 02 (hai) năm 10 (mười) tháng 29 (hai mươi chín ngày) ngày tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 01/8/2017.

1.4 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phùng Thế Anh Ng: 03 (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc kể từ ngày bắt chấp hành án

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr và bị cáo Lê Trung H có nghĩa vụ trả lại cho bị hại Bùi Thế Tr1 số tiền 11.037.000.000 đồng (*Mười một tỷ không trăm ba mươi bảy triệu đồng*), trả lại cho bị hại Trần Tấn Ph số tiền 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*) và trả cho bị hại Trần Kim Ch số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 02/7/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin xem xét số tiền truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngày 03/7/2020, bị cáo Lê Trung H có đơn kháng cáo xin xem xét số tiền truy cứu trách nhiệm hình sự, tiền lãi suất và hành vi vi phạm pháp luật của bị hại.

Ngày 01/7/2020, bị cáo Dương Hồ Huy V có đơn kháng cáo xin xem xét tổng hợp hình phạt.

Ngày 10/7/2020, bị cáo Phùng Thế Anh Ng có đơn kháng cáo xin không xử lý trách nhiệm hình sự hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 08/7/2020, bị hại Bùi Thế Tr1 kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với 04 bị cáo.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:*

Án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội; các bị cáo không thật thà khai báo.

Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là nhẹ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại. Tăng hình phạt đối với các bị cáo.

** Luật sư bào chữa cho hai bị cáo Tr và H có quan điểm như sau:*

Bị cáo xác định tiền vay có lãi suất, cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Đồng thời số tiền các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại Tr1 chưa được làm rõ là bao nhiêu? Việc chốt nợ giữa bị cáo và anh Tr1 đến các khoản vay sau là không hợp lý.

Đề nghị hủy án để điều tra lại.

** Luật sư bào chữa cho bị cáo V có quan điểm như sau:*

Yêu cầu kháng cáo của người bị hại là không có căn cứ. Bị cáo V không có ý thức chiếm đoạt và không được hưởng lợi.

** Luật sư bào chữa cho bị cáo Ng có quan điểm như sau:*

Ng chỉ vì quen biết, giúp bạn bè và tin tưởng vợ chồng bị cáo chỉ nói là đảo hạn ngân hàng. Bị cáo không trực tiếp nhận tiền từ bị hại, bị cáo không được hưởng lợi.

Bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử xác định hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cấp sơ thẩm xác định năm 2016 bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr, bị cáo Lê Trung H có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại cụ thể là chiếm đoạt của bị hại Bùi Thế Tr1 số tiền 11.177.000.000 đồng; bị cáo Tr chiếm đoạt của bị hại Trần Tấn Ph số tiền 3.000.000.000 đồng, bị hại Trần Kim Ch số tiền 1.100.000.000 đồng. Đối với bị cáo Dương Hồ Huy V và bị cáo Phùng Thế Anh Ng biết rõ bị cáo Tr và bị cáo H thực hiện hành vi gian dối để vay tiền của bị hại Tr1 nhưng vẫn đồng tình, cụ thể bị cáo V đồng phạm với vai trò giúp sức cùng bị cáo Tr, bị cáo H chiếm đoạt của bị hại Tr1 số tiền 1.000.000.000 đồng; bị cáo Ng đồng phạm với vai trò giúp sức cùng bị cáo Tr, bị cáo H chiếm đoạt của bị hại Tr1 số tiền 1.500.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đã cho thấy, sau khi chiếm đoạt tiền của những người bị hại, các bị cáo Tr và H đã dùng số tiền này để thanh toán nợ cho những cá nhân khác. Căn cứ các biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh, cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định số tiền chiếm đoạt đã được dùng chi trả cho các cá nhân và tổ chức gồm: Võ Thị Thanh H, Nguyễn Thị Phương Th, Vương Khai Vinh, Nguyễn Thị Mỹ Tr1, Trương Hồng Ph1, Trần Tấn Ph, Trần Kim Tr, Nguyễn Nhật N, La Nguyệt A, Lương Thị L, đóng lãi cho Ngân hàng C Chi nhánh Vĩnh Long và tiêu xài cá nhân (bút lục số 612).

Tại Điều 89 Bộ luật tố tụng hình sự có quy định: *Vật chứng là vật được dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, tiền hoặc vật khác có giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội hoặc có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án.*

Chính vì lẽ đó, theo quy định vừa Tr1ch dẫn nêu trên, số tiền sau khi được cho là chiếm đoạt của các bị hại, các bị cáo đã đem thanh toán các khoản nợ cho nhiều cá nhân và tổ chức, số tiền này được xác định là do phạm tội mà có, vì vậy cần phải được thu hồi và trả cho chủ sở hữu hợp pháp là những người bị hại trong vụ án này theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử không xác định tư cách tổ tụng của những cá nhân và tổ chức nêu trên là bỏ sót tư cách tổ tụng, dẫn đến việc không xử lý, thu hồi số tiền do phạm tội mà có là thiếu sót nghiêm trọng và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người bị hại.

[2] Về thu thập và đánh giá chứng cứ:

Quá trình điều tra và nội dung của bản án sơ thẩm xác định, các bị cáo trong vụ án này đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại Tr1 với tổng số tiền là 11.057.000.000 đồng, với người bị hại Phúc là 3.000.000.000 đồng và người bị hại Chúc số tiền 1.000.000.000 đồng.

[2.1] Đối với số tiền cho rằng lừa đảo của người bị hại Bùi Thế Tr1, xét thấy:

Theo nội dung Cáo trạng truy tố và bản án sơ thẩm xác định: hai bị cáo Lê Trung H và Nguyễn Thị Thanh Tr là hai vợ chồng, có quan hệ vay mượn tiền với người bị hại Bùi Thế Tr1 kể từ đầu năm 2016. Quan hệ vay mượn giữa các bên diễn ra liên tục và nhiều lần. Do vay, mượn nhiều lần mà H và Tr không có tiền trả tiền lãi và gốc cho người bị hại Tr1, nên ngày 11/4/2016, bị cáo H, Tr và anh Tr1 chốt lại số tiền lãi và gốc mà hai bị cáo này còn nợ lại của anh Tr1 là 12.567.000.000 đồng.

Để có tiền thanh toán khoản tiền nợ đã chốt đối với anh Tr1, ngày 12/4/2016 bị cáo H và Chúc đã vay của ông Trần Tấn Ph và bà Trần Kim Ch với số tiền là 4.100.000.000 đồng (ông Phúc là 3.000.000.000 đồng; bà Chúc là 1.100.000.000 đồng). Khi vay, hai bị cáo nói mục đích vay để đáo hạn ngân hàng cho anh Tr1. Sau khi nhận tiền từ hai người này, hai bị cáo H và Tr đã trả nợ cho anh Tr1 tổng cộng 4.000.000.000 đồng, 100.000.000 đồng còn lại, bị cáo Tr đã trả lại cho bà Trần Kim Ch. Tiếp đó, ngày 15/4/2016, bị cáo H, Tr và anh Tr1 thống nhất đến thời điểm này, sau khi trừ 4.000.000.000 đồng, thì số tiền hai bị cáo còn nợ lại của anh Tr1 là 8.567.000.000 đồng.

[2.2] Như vậy, ở trường hợp này cần phải xác định ý chí của các bên trong quan hệ vay tiền là gì? Quá trình vay, mượn xảy ra liên tục, nhiều lần và thực tế sau khi chốt nợ lần thứ nhất, hai bị cáo đã trả cho anh Tr1 số tiền 4.000.000.000 đồng và sau đó giữa các bên tiếp tục chốt số nợ còn lại. Vậy ở trường hợp này, cần phải điều tra, thu thập làm rõ yếu tố gian dối nhằm chiếm đoạt là gì? Biểu hiện gian dối nhằm chiếm đoạt ở trường hợp này là gì? Trong khi anh Tr1 liên tục cho vay nhiều lần, hai bị cáo đã trả 04 tỷ đồng và sau đó giữa các bên tiếp tục thống nhất chốt nợ.

[2.3] Nội dung Cáo trạng và bản án sơ thẩm cho rằng hai bị cáo và anh Tr1 thống nhất việc chốt số tiền lãi và gốc. Như vậy, cần phải điều tra làm rõ số tiền gốc là bao nhiêu, tiền lãi là bao nhiêu để làm cơ sở cho việc xác định chính xác và cụ thể số tiền chiếm đoạt được cho là chiếm đoạt.

[3] Đối với việc cho rằng, hai bị cáo H và Tr đã bằng thủ đoạn gian dối nói vay để đáo hạn ngân hàng cho anh Tr1, nhưng thực chất không phải đáo hạn

ngân hàng mà thực chất là trả nợ cho anh Tr1, lừa đảo chiếm đoạt của ông Trần Tấn Ph và bà Trần Kim Ch với tổng số tiền là 4.000.000.000 đồng, xét thấy:

Chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ thể hiện: việc vay nợ giữa ông Phúc và bị cáo đã được lập thành hợp đồng, có công chứng, chứng thực. Nội dung hợp đồng thể hiện việc vay, mượn; thời hạn trả, lãi suất thỏa thuận; nghĩa vụ của bên vay khi vi phạm hợp đồng... Tương tự, đối với trường hợp của bà Chúc thể hiện, vợ chồng bị cáo đã vay của bà nhiều lần với tổng số tiền 13 tỷ đồng, đã trả nhiều lần, và số tiền sau này còn lại là 1.000.000.000 đồng (một tỷ)

Đây là vấn đề cần phải xem xét và đánh giá lại theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

[4] Tóm lại: Đây là vụ án mà các bị cáo bị xét xử về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chính vì vậy việc xác định chính xác và cụ thể số tiền chiếm đoạt có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và làm căn cứ khi quyết định hình phạt. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm vụ án này, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; thu thập chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến thiếu vững chắc trong việc xác định tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; việc giải quyết vụ án chưa triệt để và có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại.

Những thiếu sót này, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, vì vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy các bị cáo, người bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 358 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh Tr, Lê Trung H, Dương Hồ Huy V và Phùng Thế Anh Ng.

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Lê Thành Long

Phạm Công Mười